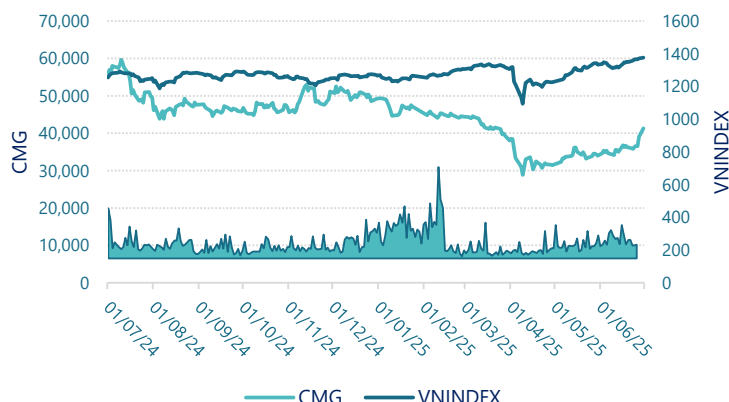


CTCP Tập đoàn Công nghệ CMC (HSX: CMG)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	41,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	59,640
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	28,850
SL cổ phiếu LH	211,300,807
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,463,395
% sở hữu nước ngoài	36.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	8,727
P/E	24.3
EPS	1,702

DT thuần

Q2/25

2,210

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 292 | 15.2%

YoY: ▲ 417 | 23.3%

LN sau thuế

Q2/25

117

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 14.0 | 13.3%

YoY: ▲ 19.7 | 19.9%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

7.2%

+/- YoY: ▼ 0.1%

DT thuần

6T 2025

4,128

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 667 | 19.3%

LN sau thuế

6T 2025

220

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 51.0 | 30.4%

ROE

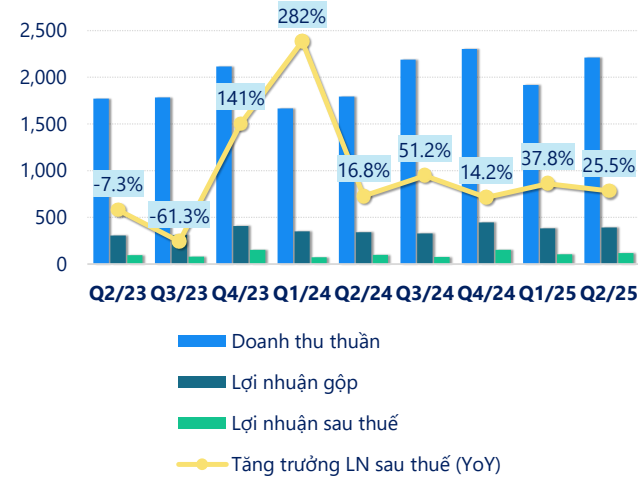
Q2/25

9.9%

+/- YoY: ▼ 0.2%

tỷ VNĐ

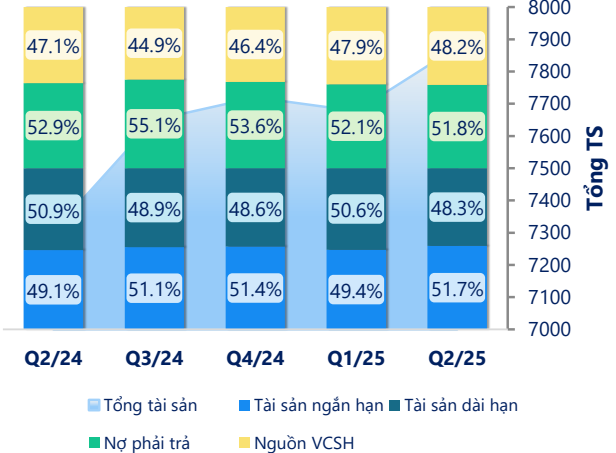
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

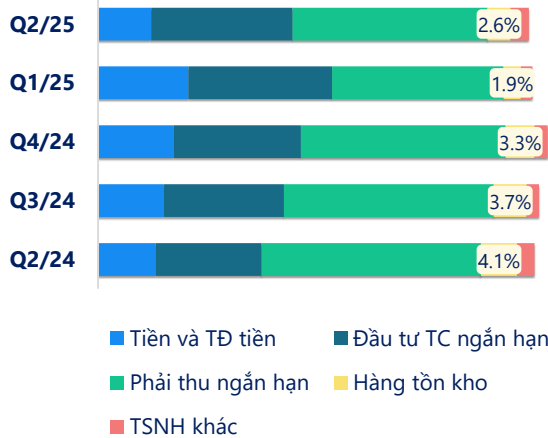
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



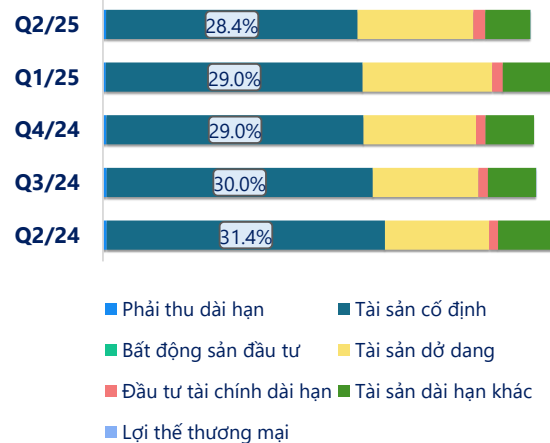
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

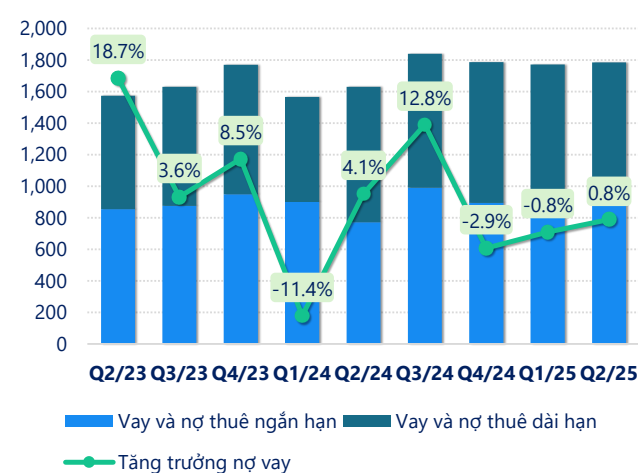
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

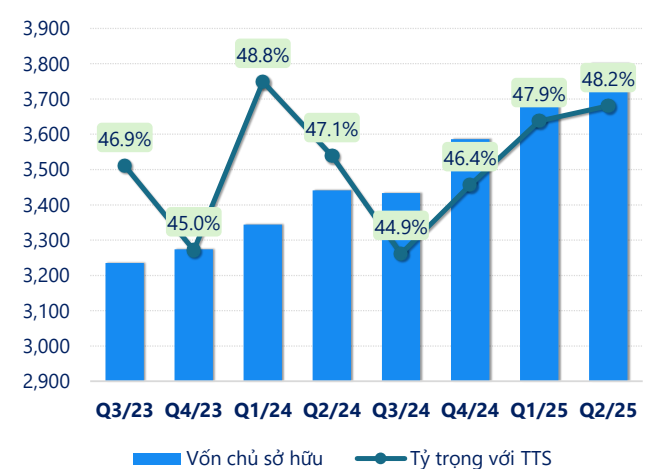
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

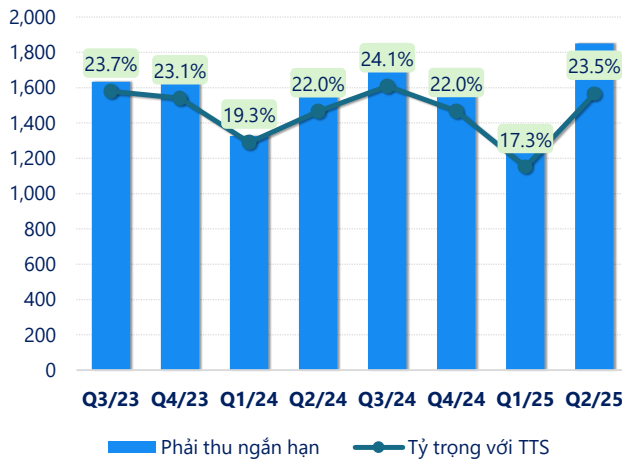
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



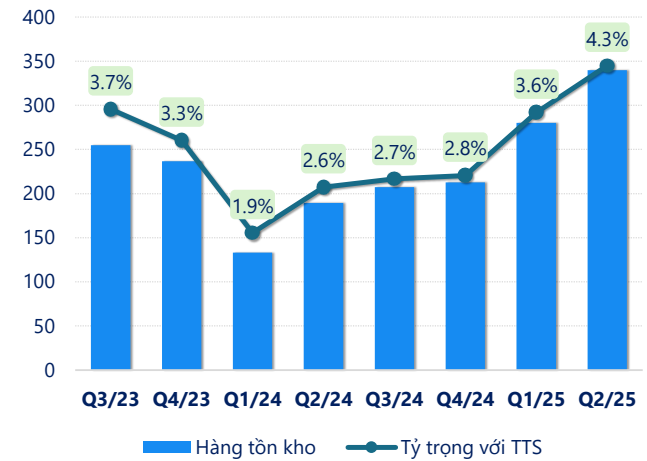
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


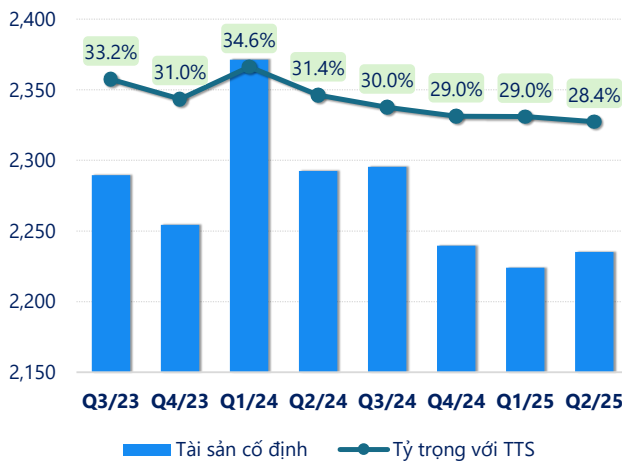
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


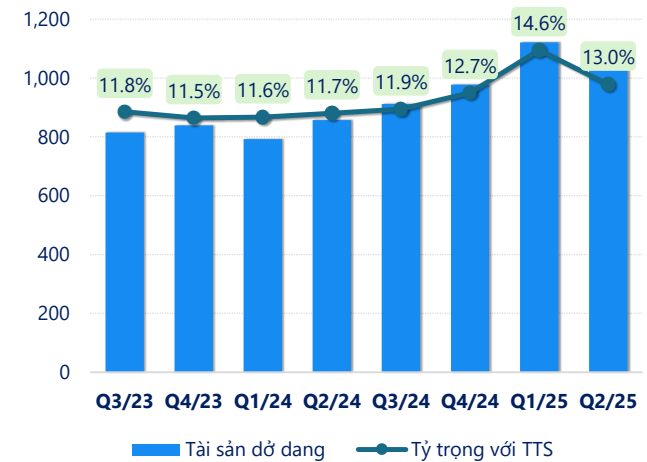
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

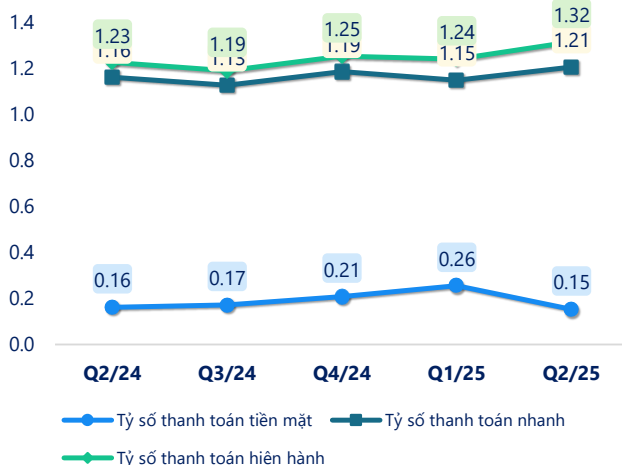
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

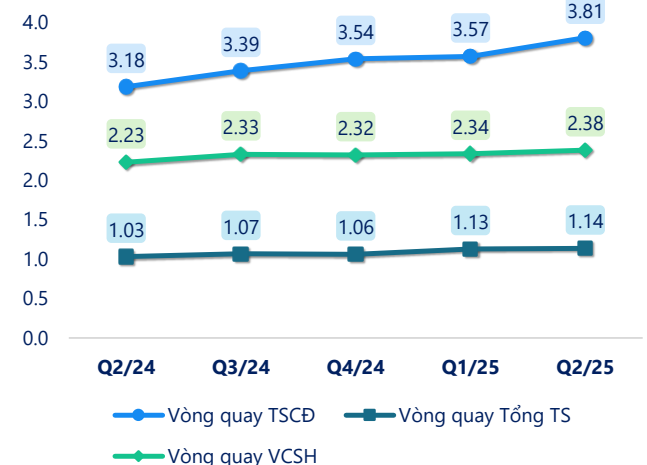
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	7,304	7,649	7,720	7,677	7,876
Tài sản ngắn hạn	3,588	3,910	3,964	3,791	4,076
Tiền và tương đương tiền	475	567	661	781	473
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,164	1,194	1,284	1,272	1,263
Phải thu ngắn hạn	1,607	1,846	1,701	1,326	1,851
Hàng tồn kho	189	207	213	280	340
Tài sản ngắn hạn khác	152	96.5	107	133	150
Tài sản dài hạn	3,716	3,739	3,755	3,886	3,800
Phải thu dài hạn	32.1	32.5	31.3	26.0	28.6
Tài sản cố định	2,292	2,295	2,240	2,224	2,235
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	857	912	978	1,121	1,027
Đầu tư tài chính dài hạn	73.4	83.5	84.1	94.0	105
Tài sản dài hạn khác	460	416	423	421	404
Lợi thế thương mại	0.26	0.24	0	0.19	0.16
Nợ phải trả	3,863	4,215	4,134	4,000	4,076
Nợ ngắn hạn	2,927	3,285	3,164	3,056	3,097
Vay và nợ thuê ngắn hạn	771	990	895	898	877
Phải trả người bán ngắn hạn	949	865	906	693	872
Nợ dài hạn	936	930	970	943	979
Vay và nợ thuê dài hạn	858	848	892	874	908
Nguồn vốn chủ sở hữu	3,441	3,434	3,586	3,678	3,799
Vốn chủ sở hữu	3,441	3,434	3,586	3,678	3,799
Vốn điều lệ	1,904	1,904	1,904	2,113	2,113
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)